

Số: 62/2023/QĐST-DS

TrC, ngày 15 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 130/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TrC về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tăng S, sinh năm 1947; địa chỉ: Ấp CS, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Tăng S: Bà Trần Thị H là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà Tăng Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp CS, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Tăng Thị T: Ông Trần Văn S, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp CS, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Trần Văn S, sinh năm 1967;

Anh Trần N, sinh năm 1994;

Chị Trần Thị Th, sinh năm 1997;

Anh Tăng Châm R, sinh năm 1981;

Chị Kiên Thị Th1, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Ấp CS, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần N và chị Trần Thị Th: Ông Trần Văn S, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp CS, xã HT, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S: Ông Trần Văn D là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Vũ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Tăng S được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp là 187,7 m², thuộc một phần của thửa 342, tờ bản đồ số 18, theo tài liệu đo đạc năm 1995, do chị Kiên Thị Th đứng tên quyền sử dụng (chị Kiên Thị Th đồng ý làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Tăng S). Đất có vị trí và tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 329, có số đo 33,40 m;

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 342 có số đo 32,30 m;

Hướng Nam giáp đường huyện 12 nhựa có số đo 6,35 m;

Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 342 có số đo 5,1 m.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo Công văn số: 1456/CNHTrC, ngày 02/10/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện TrC).

Ông Tăng S được quyền sử dụng 01 cây Vú Sữa và 01 cây Chanh đang cho trái của bà Tăng Thị Th trồng trên đất tranh chấp; ông S có nghĩa vụ trả giá trị tài sản trên cho bà Th bằng 1.000.000 đồng.

Đến ngày 22/4/2024, bà Tăng Thị Th, ông Trần Văn S, anh Trần N và chị Trần Thị Th1 có nghĩa vụ tự di dời 01 cây Mai đường kính 04cm, 01 cây Dừa 01 năm tuổi, 01 cây Chà Là và 01 chòi lá để trả lại cho ông Tăng S để diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Tăng S đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 728.875 đồng [(giá đất 178,7 m² x 150.000 đồng/m² = 28.155.000 đồng) + (1.000.000 đồng giá cây 01 cây Vú Sữa và 01 cây Chanh) = 29.155.000 đồng], trong đó phần án phí ông S phải chịu là 364.437 đồng và phần án phí ông Sête chịu thay bà Tăng Thị Th là 364.437 đồng. Do ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ phần án phí mà ông S phải chịu là 364.437 đồng, ông S còn phải nộp 364.437 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Tăng S đồng ý chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bằng 2.319.484 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện TrC; ông S được nhận lại số tiền chênh lệch bằng 1.680.516 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện TrC;
- VKSND huyện TrC;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Tiên Nghiệm